TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 -2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Lưu Xuân Giới và ông Trần Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh là Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Tấp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T sinh năm 1987, nơi thường trú tổ 5, khu V, phường M, thị xã Đ, Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1991, nơi thường trú khu Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T *trình bày có nội dung:*

- *Về tình trạng hôn nhân:* Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày 15/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh có thời gian hạnh phúc 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không có con chung, mặc dù đã chạy chữa nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả gì. Vợ chồng sống ly thân nhau kể từ năm 2020 đến nay, khi ly

thân mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau, vì vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

- *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có con chung, không nhận con nuôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ cho chị L: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Quá trình xác minh thu thập chứng, chị L có lời khai thể hiện nội dung chị L kết hôn với anh T năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường Mạo Khê, quá trình chung sống vợ chồng có cuộc sống hôn nhân bình thường, sau vài năm vợ chồng chưa có con chung phải chạy chữa nhiều nơi vẫn không có kết quả gì, trong thời gian đó do áp lực về tinh thần khiến chị L thường xuyên đau ốm, mặt khác anh T không quan tâm đến chị L suốt một thời gian dài. Kể từ đầu năm 2022 cho tới nay chị L đã sống ly thân với anh T, chị L về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại khu Y, phường Y, thị xã Đ, trong thời gian sống ly thân anh T vẫn không qua lại hỏi han, quan tâm gì chị L, tuy vậy bản thân chị L vẫn còn yêu anh T nên không muốn ly hôn.

Xác minh tại địa phương cùng với sự tham gia của bà Vũ Thị Yến là mẹ đẻ của chị L cho biết: Chị L và anh T kết hôn năm 2012 theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do chị L chưa có con chung nên chị L bị áp lực về tâm lý dẫn đến thường xuyên đau ốm, thời gian chị L bị đau ốm kể từ năm 2015 đến nay không nhận được sự chia sẻ của anh T, đầu năm 2022 chị L về ở hẳn với bố mẹ đẻ và kể từ thời gian đó anh T không qua lại hỏi han gì chị L, nay anh T yêu cầu ly hôn với chị L, bà Yến đề nghị Tòa án giải quyết để anh T được ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vắng mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: anh T giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị L, còn về con chung anh T xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung, nợ chung anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn chị L vắng mặt không lý do, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ cho chị L Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy T về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị L, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều.

[1]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án Ly hôn số: 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022, giữa nguyên đơn anh Nguyễn Duy T sinh năm 1987, nơi thường trú tổ 5, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh với bị đơn chị Nguyễn Thị L sinh năm 1991, nơi thường trú khu Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do chị L chưa có con chung, chị L thường xuyên đau ốm mà không nhận được sự chia sẻ của anh T và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 tới nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L mặc dù vẫn đi lại bình thường nhưng

không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ cho chị L thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ của Tòa án. Cho nên, xác định chị L cũng không có nguyện vọng tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành để về đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị L không có con chung, không có con nuôi, anh T và chị L không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung:* trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị L không có tài sản chung không có nợ chung, anh T và chị L không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5]. *Về án phí:*

Anh Nguyễn Duy T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1.1 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy T

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Anh T và chị L xác định không có con chung, không có con nuôi. Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh T và chị L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009694 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, anh T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND thị xã Đông Triều;
-Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
-UBND phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều (Nơi đăng ký kết hôn);
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường